TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DS-ST
Ngày: 11 - 9 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Trí;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thùy Trang, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 8 và ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Ng, sinh năm: 1961 (Có mặt);
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn:*
1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978 (Vắng mặt);
2. Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Văn Th, sinh năm: 1952.
Người đại diện ủy quyền cho ông Trần Văn Th là: bà Đinh Thị Ng, sinh năm: 1961 - Theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2018;
Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đinh Thị Ng; đồng thời, bà Ng là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn

Th trình bày: Năm 2015, vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Tuyết M có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của bà thiếu số tiền là 48.000.000đ. Đến ngày 26/01/2016 âm lịch anh H, chị M vay của bà số tiền 40.000.000đ, khi vay hai bên làm *"Giấy nhận nợ có thời hạn trả nợ và cam kết trả nợ"* ghi thiếu bà tổng cộng là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 2.100.000đ/tháng, thời hạn vay 12 tháng; đồng thời, anh H, chị M có cam kết giao cho bà "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư do anh H đứng tên" để làm tin. Nhưng thực tế sau đó anh H, chị M không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà như cam kết; anh H, chị M chỉ trả tiền lãi cho bà theo thỏa thuận, còn lại từ ngày 26/3/2017 âm lịch đến nay thì không đóng lãi và không trả nợ gốc cho bà.

Vào tháng 9/2016 âm lịch, anh H, chị M đến cửa hàng vật tư của bà mua thiếu số tiền vật tư nông nghiệp 27.073.000đ, sau đó trả được 5.000.000đ, còn thiếu lại 22.073.000đ (Hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị M liên đới trả cho bà số tiền vay và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là: 88.000.000đ + 22.073.000đ = 110.073.000đ (Một trăm mười triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng); bà yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 40.000.000đ theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước từ ngày 26/3/2017 âm lịch đến khi giải quyết xong vụ án; riêng đối với số tiền mua vật tư nông nghiệp là 70.073.000đ thì bà không yêu cầu tính lãi trong thời gian qua.

- *Tại biên bản lấy lời khai, bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:* Vào năm 2013, anh có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của bà Ng mua thiếu nhiều lần với số tiền 15.000.000đ, và thiếu bà Ng số tiền vay 15.000.000đ, nên cộng chung là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và anh thỏa thuận trả lãi cho bà Ng với mức lãi suất 60.000đ/1.000.000đ/tháng, tính đến cuối năm 2015 vợ chồng anh thiếu bà Ng tiền lãi 18.000.000đ; do đó, tổng cộng vợ chồng anh thiếu bà Ng 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng). Đến ngày 26/01/2016 âm lịch, anh và chị Nguyễn Thị Tuyết M vay của bà Ng thêm số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); tổng cộng vợ chồng anh thiếu bà Ng là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng) nên anh và chị M ký tên vào *"Giấy nhận nợ có thời hạn trả nợ và cam kết trả nợ ngày 26/01/2016"*. Khi lập giấy nhận nợ ngày 26/01/2016 vợ chồng anh có giao cho bà Ng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thổ) mà anh đang ở tại ấp Tân Thới, xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp cho bà Ng để làm bằng. Sau đó hàng tháng, vợ chồng anh đều đóng tiền lãi cho bà Ng theo thỏa thuận, nhưng không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu; đến ngày 20/02/2017 anh trực tiếp trả cho bà Ng số tiền 88.000.000đ và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Hiện nay, vợ chồng anh chỉ còn thiếu bà Ng tiền mua vật tư nông nghiệp là 22.073.000đ. Riêng đối với số tiền lãi mà vợ chồng anh đã trả cho bà Ng trong thời gian qua, thì hiện nay anh vẫn thống nhất trả cho bà Ng, anh không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết lại số tiền lãi mà anh đã trả cho bà Ng.

Nay anh thống nhất cùng chị M liên đới trả cho bà Ng số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 22.073.000đ (Hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng), không thống nhất trả cho bà Ng số tiền 88.000.000đ và tiền lãi, vì anh đã trả xong.

- *Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M:* Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định; nhưng chị M đã cố tình vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Tuyết M; nhưng anh H, chị M vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H, chị M là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa bà Ng với anh H làm phát sinh "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Điều 463, Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Việc bà Ng khởi kiện yêu cầu anh H, chị M liên đới trả cho bà số tiền vay và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu tổng cộng 110.073.000đ (Một trăm mười triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi anh H, chị M thiếu bà số tiền mua vật tư nông nghiệp và tiền vay 88.000.000đ được thể hiện rõ tại *"Giấy nhận nợ có thời hạn trả nợ và cam kết trả nợ ngày 26/01/2016"* do anh H, chị M ký tên, đã được anh H thừa nhận; trong đó, tiền nợ trước của bà Ngà 48.000.000đ, tiền vay thêm 40.000.000đ, tổng cộng là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng). Riêng đối với số tiền mua vật tư nông nghiệp vào tháng 9/2016 âm lịch là 22.073.000đ, thì anh H thừa nhận và thống nhất cùng chị M liên đới trả cho bà Ng. Vì vậy, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Ng là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận, phù hợp theo quy định pháp luật, được quy định tại các Điều 430, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét lời khai nại của anh H, cho rằng số tiền thiếu bà Ng 48.000.000đ gồm: Tiền mua vật tư nông nghiệp 15.000.000đ, tiền vay 15.000.000đ, tiền lãi 18.000.000đ là không có cơ sở để chấp nhận; vì hiện nay anh H không có cơ sở và chứng cứ để chứng minh cho lời khai nại trên là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật.

Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2018 anh H trình bày vợ chồng anh nợ bà Ng 48.000.000đ, đến ngày 26/01/2016 vay thêm 40.000.000đ, tổng cộng thiếu 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng). Khi nhận tiền anh và chị M có ký tên vào *"Giấy nhận nợ có thời hạn trả nợ và cam kết trả nợ ngày 26/01/2016"* giao cho bà Ng làm bằng; đồng thời, cam kết sau 03 ngày sẽ giao cho bà Ng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thổ) do anh H đứng tên để bà Ng làm tin. Hiện nay anh đã trả cho bà Ng 88.000.000đ và đã lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất; do đó, hiện nay anh không còn thiếu bà Ng số tiền 88.000.000đ là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi vì, đối chiếu giữa giấy nhận nợ ngày 26/01/2016 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H là không phù hợp về thời gian; vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh H được cấp là ngày 17/10/2016 sau ngày xác lập giấy nợ gần 9 tháng, trong khi đó anh H trình bày khi ký nhận nợ đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ng giữ làm tin là hoàn toàn không có căn cứ. Đồng thời, theo lời khai của người làm chứng là ông Phan Văn Đ xác định, anh H có trực tiếp đến nhờ ông làm thủ tục để mẹ anh H sang tên quyền sử dụng phần đất thổ cư đang ở và đến cuối năm 2016 thì anh H mới nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời, ông Đ cũng xác định cuối năm 2016 khi anh H nhận giấy, thì anh H có nhờ ông mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp vay tiền, nhưng ông không tìm được nơi thế chấp và sau đó anh H đã mang giấy đi thế chấp cho người khác để vay tiền, chớ không có thế chấp cho bà Ng. Vì vậy, không chấp nhận lời khai nại trên của anh H là phù hợp theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền mua vật tư nông nghiệp 22.073.000đ, anh H đã thống nhất còn thiếu bà Ng, và chấp nhận cùng với chị M liên đới trả cho bà Ng số tiền 22.073.000đ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh H là phù hợp.

Về khoảng tiền lãi anh H trình bày đã trả cho bà Ng, hiện nay anh H đã thống và không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Ng tự nguyện không có yêu cầu anh H, chị M trả tiền lãi đối với số tiền vay 40.000.000đ trong thời gian qua. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bà Ng tự nguyện không tính lãi đối với anh H, chị M về khoảng tiền vay 40.000.000đ trong thời gian qua, là hoàn toàn có lợi cho anh H, chị M và phù hợp theo quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ nhận định trên, có đủ cơ sở buộc anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Tuyết M liên đới trả cho bà Đinh Thị Ng số tiền vay và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu, tổng cộng là 110.073.000đ (Một trăm mười triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; riêng vợ chồng anh H, chị M thì không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng; buộc anh H và chị M liên đới trả cho bà Ng số tiền còn thiếu là 110.073.000đ (Một trăm mười triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Anh H và chị M liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 430, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Ng đối với anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Tuyết M.

Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Tuyết M liên đới trả cho bà Đinh Thị Ng số tiền vay và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu tổng cộng là: 110.073.000đ (Một trăm mười triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Tuyết M chưa thi hành xong số tiền nợ trên, thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 vào từng thời điểm thi hành án, đối với số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Tuyết M liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.503.600đ (Năm triệu năm trăm lẽ ba nghìn sáu trăm đồng).

- Bà Đinh Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nên được nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí là 2.751.500đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 02446 ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Tuyết M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thành Triều